

THÔNG BÁO
Kết quả kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
(Kiểm tra ngày 16/12/2025)

Thực hiện Quyết định số 585/QĐ-SXD ngày 12/12/2025 của Giám đốc Sở Xây dựng Gia Lai về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Sở Xây dựng Gia Lai thông báo kết quả như sau:

1. Kết quả kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe mô tô

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra			Kết quả
				Môn phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	
1	Phạm Thị Duy Phụng	06/6/1994	A1	Vắng	Vắng	Vắng	
2	Võ Như Quỳnh	06/2/1992	A1	6,5	25/25	100	Đạt
3	Nguyễn Ngọc Thanh	10/4/1979	A1	5	25/25	100	Đạt
4	Phạm Bảo Trang	21/7/1993	A1	5,5	25/25	100	Đạt
5	Đoàn Xuân Thông	26/10/1983	A1	6,5	25/25	100	Đạt
6	Lê Tấn Nam Trung Việt	02/4/1983	A1	5,5	25/25	100	Đạt
7	Huỳnh Thị Kim Xuân	20/9/1990	A1	6	25/25	100	Đạt
8	Nguyễn Trọng Đức	20/7/1993	A	5	25/25	100	Đạt
9	Phan Ngọc Dũng	20/9/1994	A	7	24/25	100	Đạt
10	Nguyễn Thị Thúy Hằng	25/4/1987	A	6,5	25/25	100	Đạt
11	Đỗ Thái Hưng	02/01/1994	A	6	25/25	95	Đạt

12	Phan Nhật Huy	04/12/1982	A	5,5	25/25	100	Đạt
13	Dương Đức Huy	02/11/1984	A	5	25/25	100	Đạt
14	Phan Công Minh	01/11/1993	A	5,5	25/25	100	Đạt
15	Thái Bình Minh	09/11/1983	A	5	25/25	100	Đạt
16	Nguyễn Sỹ Phụng	28/9/1991	A	6,5	25/25	100	Đạt
17	Nguyễn Xuân Thành	03/02/1980	A	5	25/25	100	Đạt
18	Lê Đình Thảo	01/01/1969	A	6,5	24/25	100	Đạt
19	Lê Trọng Thử	14/5/1989	A	6	25/25	100	Đạt
20	Trương Nguyên Toàn	22/10/1974	A	5	25/25	100	Đạt
21	Nguyễn Quốc Toàn	24/10/1985	A	6	25/25	100	Đạt
22	Võ Ngô Quốc Trường	02/5/1999	A	6	25/25	100	Đạt
23	Nguyễn Thanh Tùng	27/6/1983	A	5	25/25	100	Đạt
24	Nguyễn Thanh Tùng	14/01/1982	A	5	25/25	100	Đạt
25	Nguyễn Quang Tường	09/02/1986	A	6	25/25	100	Đạt
26	Phạm Ngọc Viết	02/03/1995	A	5,5	25/25	100	Đạt
27	Trần Quốc Việt	13/8/1996	A	6,5	25/25	100	Đạt
28	Nguyễn Công Quý	10/5/1990	A	6,5	24/25	100	Đạt
29	Nguyễn Hữu Trung	15/5/1979	A	6,5	24/25	100	Đạt
30	Mai Đình Ý	17/8/1992	A	7	25/25	100	Đạt

2. Kết quả kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
1	Lê Văn Anh	13/9/1974	B	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
2	Bùi Thị Kim Chi	21/5/1986	B	7	30/30	75		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
3	Phan Thị Kiều Diễm	21/7/2000	B	7,5	30/30	90	100	Đạt	
4	Trần Hữu Diễm	28/01/1984	B	6	30/30	90	100	Đạt	
5	Nguyễn Minh Điền	03/4/1982	B	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
6	Phan Thanh Hào	16/8/1980	B	6	26/30			Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB dưới 27
7	Vũ Văn Hoàn	25/10/1982	B	7	30/30	100	100	Đạt	
8	Nguyễn Đức Hoàng	16/02/1985	B	6,5	30/30	100	100	Đạt	
9	Lê Văn Lai	15/03/1977	B	6	30/30	90	100	Đạt	
10	Nguyễn Thị Bích Liên	30/4/1982	B	8	30/30	90	100	Đạt	
11	Huỳnh Thúy Ngọc	12/10/1996	B	8,5	30/30	90	100	Đạt	
12	Ngô Hoàng Trường Quân	11/10/1984	B	5,5	27/30	100	100	Đạt	
13	Nguyễn Văn Tám	25/4/1983	B	8	29/30	85	100	Đạt	
14	Lê Thị Mỹ Tâm	10/7/1976	B	7,5	30/30	95	100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
15	Nguyễn Lâm Thanh Thảo	30/11/1993	B	6,5	30/30	85	100	Đạt	
16	Nguyễn Thị Xuân Thu	02/10/1983	B	7,5	30/30	100	100	Đạt	
17	Trần Quang Tuyền	26/03/1987	B	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
18	Nguyễn Thị Xuân	12/6/1988	B	8,5	30/30	90	100	Đạt	
19	Nguyễn Văn Bền	05/01/1985	B	7	29/30	100	100	Đạt	
20	Võ Ngọc Huy	28/9/1997	B	6,5	30/30	90	100	Đạt	
21	Võ Nữ Thúy Liễu	26/11/1979	B	8	30/30	75		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
22	Nguyễn Duy Trung	01/5/2003	B	8	30/30	90	100	Đạt	
23	Tô Thanh Tùng	24/10/1982	B	6	30/30	90	100	Đạt	
24	Nguyễn Tài Cường	21/8/1989	B	7	26/30			Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB dưới 27
25	Tạ Công Khoa	09/7/1976	B	6	28/30	100	100	Đạt	
26	Lê Tấn Nam Trung Châu	09/02/2000	C1	6	32/35	90	100	Đạt	
27	Mai Quốc Đạt	10/11/1998	C1	7	35/35	95	100	Đạt	
28	Nguyễn Ngọc Điệp	21/8/1992	C1	7	35/35	95	100	Đạt	
29	Võ Văn Đoàn	10/9/1996	C1	7	35/35	100	100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
30	Võ Đức Dũng	13/02/2000	C1	7,5	35/35	90	100	Đạt	
31	Phạm Xuân Hào	22/02/1993	C1	7	35/35	85	88	Đạt	
32	Phạm Văn Hiền	12/11/1987	C1	7	34/35	100	90	Đạt	
33	Từ Duy Hiền	30/8/1993	C1	8	35/35	100	100	Đạt	
34	Nguyễn Thị Thảo Linh	30/7/1986	C1	7	35/35	80	94	Đạt	
35	Trần Thái Mẫn	16/11/1984	C1	6	34/35	95	98	Đạt	
36	Nguyễn Văn Nghĩa	28/4/1982	C1	6,5	35/35	90	100	Đạt	
37	Quách Thế Nhân	18/4/1993	C1	7	31/35			Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB dưới 32
38	Nguyễn Thiện Nhân	01/6/1992	C1	7	33/35	99	90	Đạt	
39	Đào Nguyên Nhiêu	05/01/1998	C1	6	34/35	90	100	Đạt	
40	Nguyễn Pháp	31/03/1993	C1	6,5	35/35	100	100	Đạt	
41	Lê Nguyễn Việt Pháp	03/03/1991	C1	6	28/35			Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB dưới 32
42	Phạm Lê Phương	29/01/1986	C1	7	35/35	95	100	Đạt	
43	Phan Tấn Sinh	08/11/1994	C1	5,5	35/35	95	90	Đạt	
44	Nguyễn Quang Sơn	23/4/1999	C1	5	35/35	95	100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
45	Võ Đức Tân	26/11/1991	C1	7	35/35	90	96	Đạt	
46	Phạm Xuân Thắng	12/08/1997	C1	5	34/35	100	98	Đạt	
47	Nguyễn Hữu Thắng	25/6/1988	C1	6,5	35/35	80	90	Đạt	
48	Phan Đức Thành	18/03/1975	C1	5	35/35	100	88	Đạt	
49	Trần Hoàng Thi	20/11/1983	C1	5.5	35/35	100	100	Đạt	
50	Hà Hoàng Tiến	11/5/2001	C1	6,5	35/35	90	100	Đạt	
51	Bùi Văn Tiến	25/6/1983	C1	8,5	35/35	100	100	Đạt	
52	Trần Văn Tình	17/10/1989	C1	7	35/35	100	100	Đạt	
53	Hồ Minh Trí	06/02/1994	C1	5	31/35			Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB dưới 32
54	Nguyễn Quốc Trung	09/6/1992	C1	7,5	35/35	85	100	Đạt	
55	Bùi Thanh Tuấn	19/11/1994	C1	5	35/35	100	98	Đạt	
56	Mai Văn Tườu	22/11/1977	C1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
57	Nguyễn Ngọc Việt	10/11/1988	C1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
58	Hà A Vỹ	20/10/1988	C1	5	31/35			Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB dưới 32
59	Phan Thanh Anh	10/01/1989	C1	6,5	34/35	100	96	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
60	Lê Phùng Nho Đạo	13/9/1991	C1	6	28/35			Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB dưới 32
61	Phạm Trường Giang	02/02/1995	C1	6	34/35	100	90	Đạt	
62	Nguyễn Lê Quốc	21/11/1989	C1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
63	Phạm Kim Thanh	24/12/1992	C1	8	34/35	100	86	Đạt	
64	Châu Lê Thịnh	18/11/1983	C1	6	23/35			Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB dưới 32
65	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	24/06/1987	C1	8,5	35/35	95	90	Đạt	
66	Đoàn Công Danh	11/12/1984	C1	7,5	33/35	70		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
67	Lê Quốc Dũng	14/8/1987	C1	7	33/35	100	98	Đạt	
68	Phạm Ngọc Huy	20/11/1994	C1	8,5	35/35	95	100	Đạt	
69	Thái Song Nhân	03/4/1997	C1	8	35/35	95	100	Đạt	
70	Huỳnh Thanh Khánh Sơn	08/5/1988	C1	8	35/35	100	100	Đạt	
71	Trần Việt Tân	27/01/1982	C1	7,5	35/35	85	100	Đạt	
72	Lê Uyên Thảo	10/01/1987	C1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
73	Võ Đức Tài Thiên	25/8/2001	C1	7	34/35	89	88	Đạt	
74	Trần Quốc Thom	04/03/1993	C1	7	35/35	95	100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTDB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
75	Bùi Văn Trương	02/6/1988	C1	7	34/35	95	90	Đạt	
76	Nguyễn Đình Đức Anh	29/11/2001	C1	7	33/35	85	100	Đạt	
77	Phạm Văn Bảo	08/11/1983	C1	7,5	35/35	95	90	Đạt	
78	Huỳnh Nguyên Dũng	08/5/1985	C1	5	34/35	95	100	Đạt	
79	Lê Võ Thùy Duyên	20/10/2001	C1	8,5	35/35	85	92	Đạt	
80	Nguyễn Đức Hoàng	10/9/2001	C1	7	35/35	63		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
81	Bùi Tiến Phương	16/11/1978	C1	6,5	35/35	95	100	Đạt	
82	Võ Thanh Sang	02/9/1991	C1	7,5	35/35	94	100	Đạt	
83	Nguyễn Thanh Sinh	19/5/1988	C1	5	35/35	100	100	Đạt	
84	Đoàn Xuân Thành	17/6/1993	C1	7	34/35	100	100	Đạt	
85	Phạm Đức Vũ	26/11/1994	C1	8	35/35	90	100	Đạt	
86	Bùi Thế Châu	06/8/1995	CE	7,5	45/45	100	100	Đạt	
87	Trần Công Định	15/8/1989	CE	6,5	45/45	100	100	Đạt	
88	Trần Thanh Hải	02/10/1987	CE	5	45/45	100	100	Đạt	
89	Cao Tuấn Lâm	09/9/1990	CE	5	42/45	100	100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTDB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
90	Nguyễn Thanh Tịnh	11/8/1969	CE	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
91	Trần Trung Dũng	26/11/1986	CE	6,5	45/45	100	100	Đạt	
92	Nguyễn Văn Minh	11/02/1979	CE	6,5	43/45	100	100	Đạt	
93	Trần Đình Phú	12/11/1992	CE	5,5	45/45	100	100	Đạt	
94	Nguyễn Hữu Tri	12/8/1985	CE	6	45/45	100	100	Đạt	
95	Lê Đức Tuấn	01/01/1983	CE	7,5	44/45	100	100	Đạt	
96	Lê Hoàng Li Na	12/5/1982	A1, C1	7	35/35	100, 70		Đạt hạng A1; Không đạt hạng C1	Điểm thực hành lái xe trong hình hạng C1 dưới 80
97	Nguyễn Đỗ Thiên Ân	18/11/1990	A, C1	6	35/35	100,95	100	Đạt	
98	Nguyễn Ngọc Ân	09/02/1991	A, C1	8	35/35	100,84	100	Đạt	
99	Mai Xuân Quanh	15/01/1980	A, CE	7,5	45/45	100,100	100	Đạt	

Sở Xây dựng Gia Lai thông báo cho cơ sở đào tạo lái xe và các cá nhân được biết./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Các CSĐTLX;
- Các cá nhân có tên trên;
- VP Sở (Đăng Website);
- Lưu: VT, QLVT(NTS).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Đình Sơn